TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Phương
2. Ông Hà Vĩnh
Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:10/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1954, (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955, (vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Mxã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Y khoảng năm 1973, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N .Tổ chức xong bà Y về làm ăn chung sống với gia đình ông ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 1986 phát sinh mâu thuẫn sô sát nhau bà Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến năm 1989 bà Y bỏ đi vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay ông đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Tháng 5/2018 ông đã có đơn lên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô tuyên bố bà Y mất tích. Ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã có quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2018/QĐST-VDS tuyên bố bà Nguyễn

Thị Y là mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con Đỗ Thị T , sinh năm 1974, Đỗ Thị H , sinh năm 1980, Đỗ Thị N , sinh năm 1982, Đỗ Thị M , sinh năm 1988 các con đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Y trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Qua xác minh tại UBND xã N, ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Y kết hôn năm 1973, đăng ký kết hôn tại UBND xã N nhưng do thời gian đã lâu địa phương không lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà Y về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, đến năm 1986 bà Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã N. Đến năm 1989 bà Y bỏ đi từ đó đến nay, không có tin tức gì. Nay ông T xin ly hôn bà Y, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng có bốn con Đỗ Thị T, sinh năm 1974, Đỗ Thị H, sinh năm 1980, Đỗ Thị N, sinh năm 1982 và Đỗ Thị M, sinh năm 1988, hiện các con đã trưởng thành và đều có khả năng lao động. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không biết ông bà có gì. Ngoài ra từ khi bà Y bỏ đi, ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã ra quyết định số: 01/2018/QĐ-VDS, tuyên tố bà Nguyễn Thị Y mất tích, từ khi Tòa án ra quyết định bà Y vẫn không có tin tức gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn T và xử cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Y.

2.Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông T là người cao tuổi ông được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Y là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S. Quá trình vợ chồng chung mâu thuẫn, đến năm 1986 bà Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã N. Đến năm 1989, bà Y bỏ đi từ đó đến nay không có tin tức gì. Từ khi bà Y bỏ đi, ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã ra quyết định số: 01/2018/QĐ-VDS tuyên tố bà Nguyễn Thị Y mất tích, từ đó đến nay không có tin tức gì của bà Y. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn bà Y. Việc ông T xin ly hôn bà Y là có căn cứ, phù hợp khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[3] Về án phí: Ông T thuộc đối tượng là người cao tuổi và ông có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Đỗ Văn T.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Y.

2.Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Đỗ Văn T được miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Nhân Đạo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ